

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT

Ngày 02 - 6 - 2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ – ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Ngô Thu H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 189, tổ 9, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. “có mặt”.

- *Bị đơn:* **Anh Lê Trọng T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình; “có mặt”.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Thu H, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Số nhà 17, tổ 7, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện

theo ủy quyền: Bà Vũ Thị T – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình (Quyết định ủy quyền số 526/QĐ-BIDV.HB ngày 25 tháng 12 năm 2019).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Ngô Thu H và bị đơn anh Lê Trọng T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Ngô Thu Hương trình bày:***

Chị Ngô Thu H và anh Lê Trọng T kết hôn ngày 30 tháng 01 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T đã có hai con chung là cháu Lê Trọng Quý Ph, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2007 và cháu Lê Phước Chu T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2012. Sau đó, tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn nảy sinh vì các lý do khác nhau. Năm 2013, vợ chồng sống ly thân, anh T sống tại huyện Cao Phong, chị H sống tại thành phố Hòa Bình. Năm 2017 chị H có đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Chị H xin được ly hôn với anh T và có nguyện vọng nuôi hai con chung, nếu không được chị xin được nuôi cháu Lê Phước Chu T. Về tài sản chung: Không có. Số tiền 200.000.000 đồng anh T vay để sửa nhà của anh T tại Cao Phong nên anh T phải có trách nhiệm trả nợ.

- ***Bị đơn anh Lê Trọng T trình bày:*** Anh T đồng ý ly hôn, nguyện vọng anh muốn nuôi hai con chung. Tại đơn phản tố đề ngày 12/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:

Về tài sản chung: Vợ chồng có một thửa đất số 278, diện tích 26,9m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 09/01/2009 mang tên anh T). Nguồn gốc thửa đất và nhà ở là do vợ chồng anh mua lại của mẹ vợ là bà Nguyễn Thị H với số tiền 35.000.000 đồng. Đến cuối năm 2009 bà H tăng giá lên 60.000.000 đồng thì vợ chồng anh lại tiếp tục trả bà H thêm 25.000.000 đồng. Khi đưa tiền hai bên không viết giấy mà chỉ ghi số tiền trong hợp đồng mua bán nhà với số tiền lúc đầu là 35.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán nhà bà H chưa ký, mới chỉ đưa giấy mua bán nhà giữa bà D và bà H trước đó cho anh giữ. Quá trình sử dụng đất và nhà ở: Vợ chồng anh sửa chữa nhà năm 2009, làm thêm gác xép hết khoảng 100.000.000 đồng, vợ chồng sống chung đến năm 2018. Anh T xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và có yêu cầu phân chia tài sản khi ly hôn.

Về công nợ chung: Anh T có vay Ngân hàng BIDV - Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình 03 khoản. Theo công văn số 23/CV-BIDVHB-CP ngày 06/12/2019 của Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình xác nhận số vay nợ gồm:

Hợp đồng số 01/2015/6821534/HĐTD ngày 27 tháng 4 năm 2015, vợ chồng anh T chị H có vay Ngân hàng BIDV chi nhánh C số tiền 200.000.000 đồng, bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất số AL 251..... do Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong cấp ngày ngày 01/02/2008 mang tên ông Lê Trọng T. Dư nợ gốc đến ngày 05/12/2019 là 70.400.000 đồng.

Hợp đồng số 01/2018/6821534/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2018, số tiền vay là 79.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng và sửa nhà. Dư nợ gốc đến ngày 05/12/2019 là 58.309.528 đồng. (Tín chấp lương anh T)

Hợp đồng số 01/2019/6821534/HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2019, số tiền vay là 79.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng. Dư nợ gốc đến ngày 05/12/2019 là 79.000.000 đồng. (Tín chấp lương anh T)

Anh T có ý kiến khoản vay 200.000.000 đồng anh sẽ trả đến khi hết nợ; 02 khoản vay còn lại yêu cầu chị H chịu trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số tiền cho anh để anh T trả nợ Ngân hàng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- *Chị Ngô Thu H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày:* Anh T khai bà H đã bán cho anh T thửa đất trên với giá 60.000.000 đồng là không đúng, gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản là nhà và đất mà chị H đang ở tại số nhà 189, tổ 9, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trong vụ án ly hôn.

- *Bà Vũ Thị T là người đại diện cho phòng giao dịch huyện C trình bày:* Ba khoản vay nợ trên đều vay trong thời kỳ hôn nhân của anh T và chị H. Ly hôn anh T tự nguyện trả Ngân hàng số tiền thế chấp quyền sử dụng đất, số dư nợ gốc là 70.400.000 đồng, không yêu cầu chị H trả nợ số này Ngân hàng đồng ý. Đối với số tiền vay tín chấp lương của anh T còn dư nợ là 58.309.528 đồng và 70.400.000 đồng. Số tiền này anh T và chị H phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Trong trường hợp có thỏa thuận riêng, hai bên phải đảm bảo khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Phần tài sản đảm bảo quyền sử dụng đất mang tên anh T đề nghị Tòa án không phân chia tài sản cho các bên nếu không phân chia rõ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Bản án sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 93, 95; điểm b, khoản 1 Điều 192; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thu H và anh Lê Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phước Chu T cho chị Ngô Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lê Trọng Quý P cho anh Lê Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện tại các bên không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Trọng T về việc chia tài sản chung là ngôi nhà và đất thửa số 168, tờ bản đồ số 10, diện tích 28,2 m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về công nợ chung: Buộc anh Lê Trọng T phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư Hòa Bình, chi nhánh huyện C, số dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng cụ thể:

Số tiền 70.400.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2015/6821534/HĐTD ngày 27 tháng 4 năm 2015;

Số tiền 58.309.528 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2018/6821534/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2018.

Số tiền 79.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2019/6821534/HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2019.

Buộc chị Ngô Thu H phải thanh toán cho anh Lê Trọng T số tiền 29.154.764 đồng theo Hợp đồng số 01/2018/6821534/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2018 và số tiền 39.500.000 đồng của Hợp đồng số 01/2019/6821534/HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2019. Tổng là 68.654.764 đồng để anh Lê Trọng T thanh toán trả cho Ngân hàng.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, bị đơn anh Lê Trọng T kháng cáo phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn chị Ngô Thu H kháng cáo phần nghĩa vụ trả nợ của chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

**- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thu H, bị đơn anh Lê Trọng T, cụ thể:

Sửa phần nghĩa vụ trả nợ của chị Ngô Thu H tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình: Buộc anh Lê Trọng T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình số dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng mà anh T đã vay, chị H không có nghĩa vụ phải trả tiền cho anh T.

Hủy phần quyết định: Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Trọng T về việc chia tài sản chung là ngôi nhà và đất tại thửa số 168, tờ bản đồ số 10, diện tích 28,2 m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường Tân T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tại Bản án sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của anh Lê Trọng T theo quy định của pháp luật.

*Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Về tố tụng:**

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định nguyên đơn chị Ngô Thu H và bị đơn anh Lê Trọng T có đơn kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều có văn bản đề nghị Tòa án xét

xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

### **Về nội dung:**

[3] Xét kháng cáo của chị Ngô Thu H với nội dung không đồng ý cấp sơ thẩm quyết định buộc chị phải trả cho anh Lê Trọng T số tiền 68.654.764 đ (*Sáu mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm sáu mươi tư đồng*), đây là 1/2 số dư nợ của hai khoản vay năm 2018 và 2019 của anh T.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện:

Hợp đồng số 01/2018/6821534/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2018, số tiền vay là 79.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng và sửa nhà. Dư nợ gốc đến ngày 05/12/2019 là 58.309.528 đồng. (Tín chấp lương anh T)

Hợp đồng số 01/2019/6821534/HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2019, số tiền vay là 79.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng. Dư nợ gốc đến ngày 05/12/2019 là 79.000.000 đồng. (Tín chấp lương anh T)

Quá trình giải quyết tại Tòa án: Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/7/2019 về công nợ chung anh T không có yêu cầu trình bày gì, đến khi mở phiên tòa xét xử vào ngày 27/11/2019 anh Thực mới trình bày có các khoản vay nợ trên và yêu cầu chị H có nghĩa vụ cùng mình trả nợ.

Anh T thừa nhận chị H không tham gia ký kết hợp đồng vay tiền. anh T cho rằng anh vay để đầu tư cho cửa hàng may của chị H nhưng tài liệu trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ chứng minh, chị H không thừa nhận. Theo quy định tại các Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự anh T phải có nghĩa vụ chứng minh, anh T khai vay một phần để tiêu dùng nhưng cũng không chứng minh được số tiền đó nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, theo khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

Theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng chỉ chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này. Hợp đồng vay tiền của anh T trong vụ án này không thuộc một trong các trường hợp nêu trên.

Mặt khác, anh T và chị H đều khai thống nhất, anh chị ly thân từ năm 2017, anh T sống tại thị trấn Cao Phong, chị H sống tại thành phố Hòa Bình, mỗi người một nơi, công việc hai người tự lo, không ai quan tâm đến ai, ăn ở sinh hoạt mỗi người một nơi, mỗi người nuôi một con.

Bản án sơ thẩm xác định chị H có trách nhiệm liên đới trả nợ vì vay trong thời kỳ hôn nhân, đây là nhằm lẫn trong áp dụng pháp luật. Tài sản do một bên tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung (quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014). Nhưng không có quy định nào là cứ vay trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị H, Sửa phần nghĩa vụ trả nợ của chị Ngô Thu H tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình theo hướng chị H không phải chịu trách nhiệm trả cho anh T số tiền 68.654.764 đồng để anh T trả nợ Ngân hàng.

**[4]** Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Trọng T với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần tài sản gồm nhà và đất tại số nhà 189, tổ 9, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và buộc bà H phải trả lại tài sản cho anh. Bản án sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết yêu cầu về chia tài sản, không giải quyết. Nay anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo anh T trình bày và yêu cầu chia thừa đất số 278, diện tích 26,9m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường Tân T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (căn cứ biên bản xác định ranh giới, mốc giới thừa đất ngày 09/01/2009 mang tên anh T).

Bà H và chị H trình bày theo biên bản trích đo ngày 03/01/2018, tên người sử dụng Nguyễn Thị H, tên thừa đất số 168, diện tích 28,2m<sup>2</sup>.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại đơn phản tố đề ngày 12/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày và có yêu cầu về việc cấp sơ thẩm xem xét tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất để phân chia khi giải quyết ly hôn (xác định thừa đất số 278, diện tích 26,9m<sup>2</sup> và thừa đất số 168, diện tích 28,2m<sup>2</sup> tại số nhà 189, tổ 9, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình chính là một thửa đất).

Ngày 13/6/2019 anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí, cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu này của anh T là đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào việc anh T không giao nộp chứng cứ gốc (giấy tờ mua bán nhà) để đình chỉ yêu cầu là không đúng pháp luật bởi lẽ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/7/2019 anh T đã giao nộp các tài liệu liên quan đến yêu cầu của mình, Thẩm phán đã xem xét và có ý kiến nếu các đương sự không bổ sung tài liệu gì mới thì Tòa án sẽ sử dụng các tài liệu đã giao nộp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 01/10/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. (anh T đã nộp số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản 1.700.000 đồng)

Trong trường hợp này, lẽ ra cấp sơ thẩm phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các

quy định của pháp luật để giải quyết và ra quyết định đối với yêu cầu phản tố của anh T mới đúng quy định pháp luật.

Do cấp sơ thẩm đình chỉ không xem xét yêu cầu phản tố của anh T nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét phần đề nghị bà H trả lại tài sản cho anh T như nội dung kháng cáo. Việc giải quyết ngay tại cấp phúc thẩm là vi phạm nguyên tắc chế độ xét xử hai cấp theo luật định. Vì có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự nêu trên mà không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm được, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự cần hủy một phần bản án sơ thẩm (phần quyết định: Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Trọng T về việc chia tài sản chung là ngôi nhà và đất tại thửa số 168, tờ bản đồ số 10, diện tích 28,2 m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường Tân T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của anh Lê Trọng T theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Do Bản án sơ thẩm bị sửa và hủy một phần nên anh T, chị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thu H, bị đơn anh Lê Trọng T:

- Sửa phần nghĩa vụ trả nợ của chị Ngô Thu H tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, cụ thể:

Buộc anh Lê Trọng T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình – Phòng Giao dịch huyện C, tỉnh Hòa Bình số dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng:

Số tiền 70.400.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2015/6821534/HĐTD ngày 27 tháng 4 năm 2015;

Số tiền 58.309.528 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2018/6821534/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2018.

Số tiền 79.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 06/12/2019 theo Hợp đồng số 01/2019/6821534/HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2019.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm: Phần quyết định đình chỉ yêu cầu của anh Lê Trọng T về việc chia tài sản chung là ngôi nhà và đất tại thửa số 168, tờ bản đồ số 10, diện tích 28,2 m<sup>2</sup> tại tổ 9, phường Tân T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2019/HNGĐ-ST ngày 25

tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại phần yêu cầu của anh Lê Trọng T theo theo thủ tục sơ thẩm.

2. Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

- Chị Ngô Thu H và anh Lê Trọng T không phải nộp án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp của mỗi người là 300.000 đồng, cụ thể:

Chị Ngô Thị H, theo biên lai thu số 0006616 ngày 16/01/2020;

Anh Lê trọng T, theo biên lai thu số 0006611 ngày 13/01/2020

Của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Về số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T đã nộp 14.000.000 đồng theo biên lai số 0001990 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án thành phố Hòa Bình được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố Hòa Bình
- TAND thành phố Hòa Bình;
- Chi cục THADS thành phố Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Tuấn**